

Số: 170/BC-THCS-TT

Bình Tân, ngày 02 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

1. Thông tin chung.

1.1. Tên cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Tân Tạo được thành lập năm 2007 theo Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

1.2. Địa chỉ trụ sở chính.

- Trường Trung học cơ sở Tân Tạo tọa lạc tại địa chỉ: số 68 đường Hồ Văn Long, KP23, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.62.724.858.

- Địa chỉ trang tin điện tử : thcstantao.hcm.edu.vn.

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Trường THCS Tân Tạo là trường công lập hạng I do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân trực tiếp quản lý.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

1.4.1. Sứ mệnh:

Xây dựng chiến lược phát triển Trường THCS Tân Tạo phù hợp với các nguồn lực của nhà trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, kỷ cương, chất lượng cao để học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống và khả năng tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

1.4.2. Tầm nhìn:

Đến năm 2030, trường THCS Tân Tạo phấn đấu trường đạt chất lượng cao theo chuẩn về giáo dục, có kế hoạch cải tiến chất lượng về mọi mặt. Nhà trường phấn đấu trường đạt các tiêu chí của Quyết định 2078/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Bộ tiêu chuẩn thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4.3. Mục tiêu:

Năm học 2024 - 2025, tiếp tục thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW;

Thực hiện các văn bản hướng dẫn thực hiện các đề án về Ngoại ngữ; Tin học, Giáo dục thông minh và học tập suốt đời; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo; triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 - 2025; Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế Giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030”; Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; Bảo đảm đủ giáo viên theo môn học để tổ chức dạy học các môn học; Chú trọng duy trì và nâng cao chất lượng học sinh lớp cuối cấp; Phát huy vai trò của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý để nâng cao chất lượng dạy học nhằm đạt mức tiến bộ chung của ngành giáo dục quận Bình Tân đề ra;

Thực hiện công tác quản lý, quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả;

Tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học tại nhà trường; Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục; Xây dựng trường học hạnh phúc.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Trường Trung học cơ sở Tân Tạo được thành lập theo Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2007. Trường được khánh thành vào ngày 05 tháng 9 năm 2007 và đi vào hoạt động từ năm học 2007 - 2008. Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân và sự nỗ lực, phấn đấu của đội ngũ các thầy giáo, cô giáo, cha

mẹ học sinh cơ sở vật chất và trang thiết bị của trường từng bước được đầu tư và nâng cấp, chất lượng giáo dục của trường cũng không ngừng được nâng lên.

- Trường có tổng diện tích là 6004,8m², gồm 35 phòng học và các phòng chức năng. Đảm bảo chỗ học cho học sinh học 2 buổi / ngày.

- Trường Trung học cơ sở Tân Tạo còn thiếu phòng tập đa năng, do đó, trường sử dụng Hội trường làm phòng tập đa năng. Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm và ý thức cao của tập thể các thầy cô giáo, chất lượng giáo dục của trường cao so với mặt bằng chung của quận, xứng đáng với niềm tin, lòng mong đợi của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện: Nguyễn Thị Hồng Châu

Hiệu trưởng

Đơn vị: Trường THCS Tân Tạo

Số điện thoại: 0909020772

Địa chỉ thư điện tử: nthchau.079169030686@hcm.edu.vn

1.7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường Trung học cơ sở Tân Tạo được thành lập theo Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2007.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2022 của UBND quận Bình Tân.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định 3396/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của UBND quận Bình Tân.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền 2 hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục; (Đính kèm)

Trường có xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động số 443/QĐ-THCS-TT ngày 01 tháng 11 năm 2024.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Không có

421 nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Người đại diện: Nguyễn Thị Hồng Châu

Hiệu trưởng

Đơn vị: Trường THCS Tân Tạo. Số 68, Hồ Văn Long, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân.

Số điện thoại: 0909020772

Địa chỉ thư điện tử: nthchau.079169030686@hcm.edu.vn

1.8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Trường có chiến lược phát triển giáo dục số 421/KH-THCS-TT ngày 14 tháng 10 năm 2024 (đã công khai trên website trường).

Quy chế dân chủ cơ sở được ban hành kèm theo Quyết định số 458/QĐ-THCS-TT ngày 15 tháng 11 năm 2024 (đã công khai trên website trường).

Kế hoạch và Thông báo tuyển sinh (đã công khai trên website trường).

Quy chế chi tiêu nội bộ (đã công khai trên bảng tin trường).

2. Thu, chi tài chính

2.1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

- Ngân sách nhà nước cấp năm 2024

STT	Nguồn	Số tiền
	Ngân sách nhà nước cấp	23.920.689.819
1	KP khoán (13)	8.919.129.000
2	KP CCTL (1401)	3.072.580.000
3	KP CCTL (1402)	7.066.180.819
4	KP không thường xuyên (12,15,18)	4.862.800.000

- Học phí năm 2024 (cấp bù)

STT	Nguồn	Số tiền
	Học phí	4.116.720.000

- Các khoản thu khác từ người học năm 2024

✓ Thu sự nghiệp năm 2024:

STT	Nguồn	Số tiền
	Nguồn thu sự nghiệp	8.303.772.490
1	Tổ chức dạy 2 buổi	163.309.990
2	Tăng cường môn ngoại ngữ	1.040.140.000
3	Ngoại ngữ với người nước ngoài	2.863.062.500
4	Phục vụ bán trú	2.310.000
5	Vệ sinh bán trú	500.000
6	Thiết bị vật dụng bán trú	85.150.000
7	Tin học quốc tế	1.722.380.000
8	Phục vụ quản lí và vệ sinh bán trú	2.148.150.000
9	Dịch vụ khám sức khỏe bán đầu	35.670.000
10	Tiện ích ứng dụng CNTT và CDS	243.100.000

✓ Thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh năm 2024 (thu hộ_chi hộ)

STT	Tên đối tượng	Số tiền
1	Thu Suất ăn trưa bán trú	7.238.839.000
2	Thu nước uống học sinh	266.680.000
3	Thu bảo hiểm y tế HS	1.264.795.560
4	Thu Học phẩm	49.449.000
5	Thu điện máy lạnh	185.324.342
6	Thu thiết bị vật dụng bán trú	250.410.000
Tổng cộng		9.255.497.902

- Thu khác năm 2024

STT	Nguồn	Số tiền
	Thu khác	216.675.179
1	Căn tin, bãi xe	211.500.000
2	Lãi tiền gửi ngân hàng (Vietinbank)	4.156.209
3	Lãi tiền gửi ngân hàng (BIDV)	991.841
4	Lãi tiền gửi ngân hàng (DAD)	27.129

- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác: Không có

- Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không có

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Chi tiền lương và thu nhập năm 2024 (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...)

STT	Nguồn	Số tiền
	Ngân sách nhà nước cấp	16.718.168.732
1	KP khoán (13)	10.360.505.344
2	KP CCTL (1402)	5.611.168.186
3	KP không thường xuyên (12,15,18)	746.495.202
	Học phí	1.065.797.685
	Nguồn thu sự nghiệp	1.355.622.600
1	Tổ chức dạy 2 buổi	56.100.000
2	Tăng cường môn ngoại ngữ	188.850.000
3	Ngoại ngữ với người nước ngoài	100.828.000
4	Phục vụ quản lí và vệ sinh bán trú	1.009.844.600

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ năm 2024 (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...)

STT	Nguồn	Số tiền
	Ngân sách nhà nước cấp	4.238.394.813
1	KP khoán (13)	123.594.813
2	KP không thường xuyên (12,15,18)	4.114.800.000
	Học phí	613.866.315
	Nguồn thu sự nghiệp	4.804.180.242
1	Tổ chức dạy 2 buổi	42.657.527
2	Tăng cường môn ngoại ngữ	245.937.157
3	Ngoại ngữ với người nước ngoài	2.305.069.037
4	Phục vụ bán trú	46.200
5	Vệ sinh bán trú	10.000
6	Thiết bị vật dụng bán trú	26.862.000
7	Tin học quốc tế	1.477.010.821
4	Phục vụ quản lí và vệ sinh bán trú	435.005.500
9	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu	35.670.000
10	Tiện ích ứng dụng CNTT và CDS	235.912.000

- Chi hỗ trợ người học năm 2024 (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): Không có

- Chi khác năm 2024.

STT	Nguồn	Số tiền
	Chi khác	22.141.841
1	Căn tin, bãi xe	21.150.000
2	Lãi tiền gửi ngân hàng (Vietinbank)	-
3	Lãi tiền gửi ngân hàng (BIDV)	991.841
4	Lãi tiền gửi ngân hàng (DAD)	-

- Chi các khoản thanh toán cho cá nhân học sinh năm 2024 (thu hộ_chi hộ).

STT	Tên đối tượng	Số tiền
1	Suất ăn trưa bán trú	7.543.095.616
2	Nước uống học sinh	246.575.000
3	Bảo hiểm y tế HS	1.272.342.500
4	Học phẩm	57.890.485
5	Điện máy lạnh	185.324.342
6	Thiết bị vật dụng bán trú	237.694.000
Tổng cộng		9.542.921.943

2.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Căn cứ quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho học sinh trung học cơ sở công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động Giáo dục của cơ sở Giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Công văn số 6137/UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục công lập thuộc quận năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Thông báo số 1536/TB-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về nội dung kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân quận tại cuộc họp ngày 23 tháng 12 năm 2024 về khung mức thu, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các hoạt động giáo dục khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024 – 2025;

STT		Đơn vị tính	Năm học 2024-2025	DỰ KIẾN Năm học 2025-2026	DỰ KIẾN Năm học 2026-2027	DỰ KIẾN Năm học 2027-2028
I	Học phí	HS/tháng	Không thu	Không thu	Không thu	Không thu
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo NQ13//2024/NQ-HĐND					
1	Dịch vụ phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	HS/tháng	180.000	180.000	180.000	180.000
2	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu	HS/năm học	25.000	25.000	25.000	25.000
3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	HS/năm học	170.000	170.000	170.000	170.000
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác					
1	Tổ chức dạy 2 buổi	HS/tháng	65.000	65.000	65.000	65.000
2	Tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	HS/tháng	90.000	90.000	90.000	90.000
3	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	HS/tháng	250.000	250.000	250.000	250.000
IV	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án					
1	Tổ chức các lớp học theo đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-	HS/tháng	180.000	180.000	180.000	180.000
V	Các khoản thu cho cá nhân học sinh					
1	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	HS/năm học	170.000	170.000	170.000	170.000
2	Học phẩm	HS/năm học	34.000	34.000	34.000	34.000
3	Suất ăn trưa bán trú	HS/suất	32.000	32.000	32.000	32.000
4	Nước uống	HS/tháng	20.000	20.000	20.000	20.000
5	Bảo hiểm y tế học sinh năm 2025	HS/năm	884.520	Căn cứ hướng dẫn thu của BHXH từng năm		

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Căn cứ nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Số học sinh được miễn 100% tiền học phí và tiền tổ chức dạy buổi 2: 00 học sinh.
- Số học sinh được giảm 50% tiền học phí và tiền tổ chức dạy buổi 2: 00 học sinh.
- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 00 học sinh.
- Số tiền học phí được miễn, giảm: 00 đồng.
- Số tiền tổ chức dạy buổi 2 được miễn, giảm: 00 đồng
- Số tiền học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 00 đồng

2.4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có) (31/5/2025).

Stt	Nguồn	Số dư
1	Quỹ khen thưởng	129.752.154
2	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	862.915.214
3	Quỹ Phúc lợi	603.396.183
4	Quỹ bổ sung thu nhập	-
Tổng cộng		1.596.063.551

2.5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

- Công khai dự toán giao đầu năm theo thông tư 90/2018/TT-BTC
- Công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung theo thông tư 90/2018/TT-BTC
- Công khai quyết toán năm 2024 theo thông tư 90/2018/TT-BTC
- Công khai tài chính theo thông tư 90/2018/TT-BTC (3-6-9-12 tháng)
- Công khai các khoản thu sự nghiệp, thu hộ chi hộ (3-6-9-12 tháng)
- Công kế hoạch thu chi đầu năm học.

Nơi nhận:

- CNTT;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Châu